



VIETSOURCE.NET & CLB TIN HỌC- ICTU

Hướng dẫn: Vũ Công Tịnh
Email: VuCongTinh@Gmail.Com

Chương trình học



PHP
&

MYSQL



Basic > Advance

HTML CSS JAVASCRIPT

❖ **Chuẩn bị** gì khi học lập trình web?

❖ **Tổng quan** về internet & web

Phần I: Lập trình web với HTML, CSS và JAVASCRIPT

❖ Chương 1: Lập trình web với HTML cơ bản

❖ Chương 2: Định dạng website với CSS cơ bản

Phần II: Xây dựng ứng dụng web động với PHP& MySQL

❖ Chương 1: Căn bản về PHP& MySQL

❖ Chương 2: Xây dựng website bán hàng

PHẦN I:

Lập trình web với HTML, CSS



Cần chuẩn bị những gì?

1. Web browser(Trình duyệt web):

IE(Internet Explorer), **Mozilla Firefox**, Google Chrome, Safari, Opera,...

2. Text editor(Trình soạn thảo): Notepad, **Notepad++**, Editplus, E-TextEditor, Macro Dreamviewer, **PHP Designer**,...

3. Một số add-ons của Firefox: **Firebug**, Colozilla, Measurelt, Web Developer,...

4. Môi trường làm việc cho PHP:

Một số gói phần mềm tích hợp Apache, PHP, MySQL, phpMyAdmin,... như:

- Appserv(Dành cho WinXP), **XAMPP**, WAMPServer, Vertigo,...

5. Một số phần mềm Upload file qua FTP: CuteFTP, FlashFXP, **Filezilla**,...

Video tham khảo:

- Công cụ:

<http://bit.ly/vsnet-chuanbi>

- Hướng dẫn XAMPP:

<http://bit.ly/vsnet-xampp>

Tổng quan internet & web



- **Mạng máy tính?**

Là 1 hệ thống các máy tính được kết nối với nhau, có thể chia sẻ dữ liệu cho nhau

- **WWW= World wide web:** Là 1 hệ thống server chứa thông tin(siêu văn bản) mà người dùng có thể sử dụng thông qua web browser

- **Client- Server**

Là mô hình mạng máy tính, trong đó:

- **Server(Máy chủ):** Là máy tính sử dụng để các máy tính truy cập, các máy truy cập vào được gọi là máy khách(client).

Ví dụ:

- Khi chúng ta truy cập vào <http://vietsource.net>

+ **Server:** Là máy chủ chứa dữ liệu của <http://vietsource.net>

+ **Client:** Máy tính cá nhân của chúng ta

Tổng quan internet & web



- **TCP/IP:**

Là giao thức truyền dữ liệu giữa 2 máy tính. Mỗi máy tính có 1 địa chỉ IP (*Internet Protocol*) xác định, địa chỉ IP là cụm gồm 4 số giới hạn từ 0 >255 có dạng: A.B.C.D

Ví dụ: 14.0.18.152

- **Domain name(Tên miền):**

Là 1 định danh để xác định vị trí của 1 máy tính trên mạng Internet. Domain name chỉ có duy nhất và không trùng nhau. Ví dụ: Chỉ có 1 domain là VIETSOURCE.NET

- **VPS(Máy chủ ảo: Virtual Private Server):**

Là phương pháp phân vùng vật lý máy chủ thành nhiều máy chủ ảo, có CPU, Ram và HDD riêng

- **Hosting:**

Là 1 phần không gian lưu trữ trên máy chủ có cài các dịch vụ như FTP, WWW,... dùng để lưu trữ nội dung của website

Tổng quan internet & web



Web Hosting



Ví dụ:

- Việt Nam là 1 máy chủ, Hà Nội, TP. HCM,... là những VPS, khu đất nhà bạn những hosting, ngôi nhà và các công trình khác là 1 website, việc thiết kế website giống như xây 1 ngôi nhà
- IP của website tương tự như tọa độ của ngôi nhà(gồm kinh độ và vĩ độ), chính vì IP khó nhớ nên domain name(tên miền) được ra đời, tên miền ở đây chính là địa chỉ nhà bạn(Số nhà 123- Z115- TP. Thái Nguyên)

Tổng quan internet & web



- Website tĩnh:

- Là những website không có khả năng tương tác với người dùng, thường được viết bằng ngôn ngữ HTML, DHTML,...

- Website động:

- Là những website có tính tương tác cao giữa người dùng và quản trị, được xây dựng bằng ngôn ngữ ASP, PHP,... cùng với sự kết hợp của cơ sở dữ liệu. Website động có phần quản trị web để cập nhật nội dung website. Như: website tin tức, bán hàng,...

Ví dụ: Phần bình luận trong cho thành viên trong diễn đàn VIETSOURCE.NET(Tính tương tác cho người dùng)

A screenshot of a web browser displaying a forum post on VIETSOURCE.NET. The browser's address bar shows 'Trả lời nhanh'. The forum post has a title 'Có thể bình luận cho bài viết' and a large text area for comments. A blue arrow points to the text area. The forum post is titled 'VIETSOURCE.NET'. At the bottom, there are checkboxes for 'Hiện chữ ký' (checked) and 'Đóng chủ đề này'. A blue arrow points to the 'Gửi trả lời nhanh' button. Other buttons include 'Đến Bản đầy đủ' and 'Hủy bỏ'. A '[Xem thêm]' link is also visible.

Website đầu tiên



Sau đây chúng ta sẽ tạo cho mình 1 website trước khi bắt đầu bài học đầu tiên

1. Vào Start -> Notepad
2. Gõ vào nội dung như sau

A screenshot of a Notepad window titled 'Untitled - Notepad'. The window has a menu bar with 'File', 'Edit', 'Format', 'View', and 'Help'. The text area contains the following HTML code:

```
<html>
<head>
  <title>VIETSOURCE.NET- CHIA SẺ KIẾN THỨC LẬP TRÌNH, MÃ NGUỒN</title>
</head>
<body>

  ĐÂY LÀ WEBSITE ĐẦU TIÊN

</body>
</html>
```

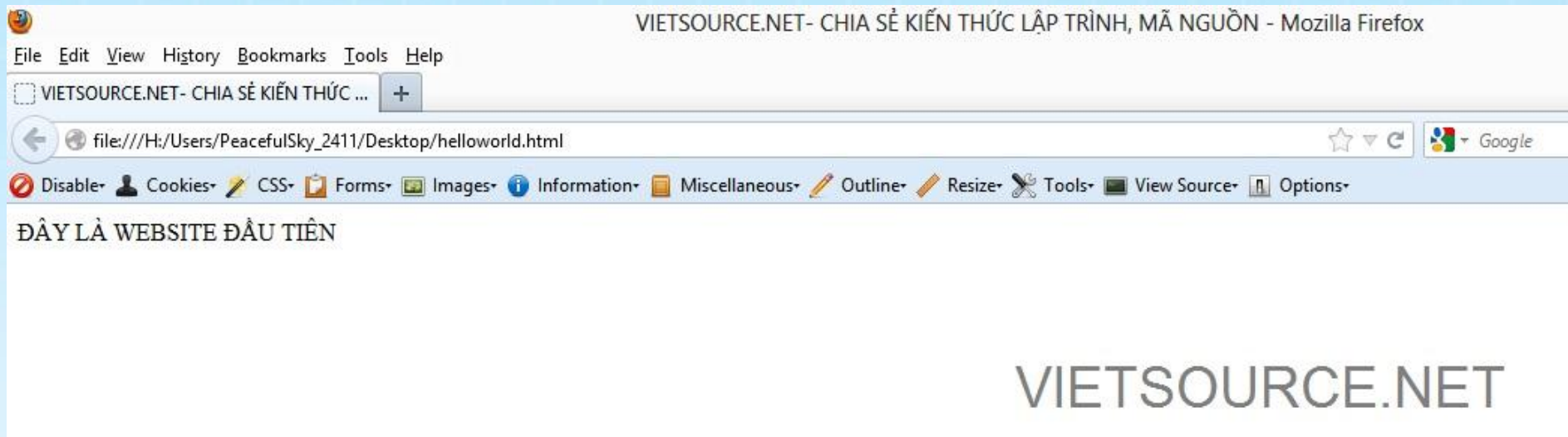
On the right side of the window, the text 'VIETSOURCE.NET' is displayed in a large, grey, sans-serif font.

3. Vào File > Save as.. > File name: Điền helloworld.html
Encoding: Chọn UTF- 8
Chọn vị trí cần lưu sau đó chọn Save

Website đầu tiên



4. Mở file vừa lưu bằng 1 trình duyệt bất kỳ và xem kết quả



Làm được website như trên là bạn đã sẵn sàng cho bài học đầu tiên rồi.

Bài 1. HTML và cấu trúc



I. Giới thiệu HTML

- HTML(Hypertext Markup Language): Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, dựa vào chuẩn web năm 1994.
- HTML là 1 ngôn ngữ đánh dấu chứ không phải 1 ngôn ngữ lập trình, nhằm tạo ra các trang web tĩnh dựa trên các thẻ đánh dấu(tags), dựa vào các thẻ đánh dấu để trình duyệt xác định cách hiển thị.

II. Cấu trúc của 1 tài liệu HTML

- Một tài liệu HTML là 1 file văn bản chứa các thẻ đánh dấu.
- Một tài liệu HTML phải có đuôi(phần mở rộng): .html .htm ...

Ví dụ: index.html, default.html, vietsource.html,...

- Cấu trúc của chung của 1 tài liệu HTML

+ `<html></html>`: Xác định 1 tài liệu HTML

+ `<head></head>`: Xác định phần đầu của Website, chứa các thông tin về website (Như tiêu đề, mô tả, tác giả...)

+ `<body></body>`: Xác định phần thân web Nơi hiển thị toàn bộ nội dung của 1website

```
Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
<html>
<head>
    <title>VIETSOURCE.NET- Tiêu đề của website</title>
</head>
<body>
    Nội dung hiển thị của website
</body>
</html>
```

VIETSOURCE.NET

Bài 1. HTML và cấu trúc



- Elements(Phần tử):
 - Là thành phần được xác định nhờ các thẻ (tag)
 - Mỗi thẻ có cấu trúc <tên_thẻ>:
 - Thẻ gồm thẻ đóng và thẻ mở:
<tên_thẻ>: Thẻ mở
</tên_thẻ>: Thẻ đóng
 - Thẻ không phân biệt hoa và thường: giống , tuy nhiên chúng ta nên thống nhất dùng chữ thường
 - Cấu trúc 1 phần tử
<tên_thẻ thuộc_tính="giá_trị">Nội dung</tên_thẻ>
- Ví dụ: Chữ này sẽ có màu đỏ
- Thuộc tính và giá trị có thể có hoặc không: <body>Nội dung</body>
 - Một số thẻ không cần thẻ đóng (Để đúng chuẩn chúng ta thêm dấu gạch chéo vào phía sau):
 , <hr /> , , ...

Video tham khảo:

- <http://bit.ly/vsnet-cautructhtml>

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



1. Thẻ <head>

- Vị trí: Sau thẻ mở <html> và trước thẻ mở <body>
- Chứa thông tin về website(nhưng không hiển thị) cho trình duyệt, các Search Engine(Google, Yahoo, Bing,...)

2. Thẻ <body>

- Vị trí: Sau cặp thẻ <head></head>
 - Chứa toàn bộ nội dung website(Hiển thị trên trình duyệt)
 - Một số thuộc tính của thẻ <body>
- + **bgcolor**: Định dạng màu nền website, giá trị gồm tên màu(trong tiếng Anh), mã màu trong hệ hex, mã màu RGB

Ví dụ: `<body bgcolor="red">Nền website có màu đỏ</body>`

- + **background**: Định dạng ảnh nền, giá trị chính là đường dẫn của ảnh.

Ví dụ:

`<body background="images/anh1.jpg">Nội dung website</body>`

Như vậy ảnh “anh1.jpg” nằm trong folder “images” sẽ được đặt làm hình nền

- + **text**: Định màu chữ(toàn bộ website)

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



- + **link**: Định dạng màu của liên kết trong website(Mặc định các liên kết là màu xanh blue)
- + **alink**: Định dạng màu của liên kết đang hoạt động(khi nhấn giữ chuột vào liên kết đó)
- + **vlink**: Định dạng màu liên kết đã ghé thăm(Mặc định liên kết chúng ta đã click vào thường có màu vàng)
- + **leftmargin**(căn lề trái), **topmargin** (căn lề trên)

Link- Liên kết trong website
VLink- Liên kết đã ghé thăm

Ví dụ:

```
<body topmargin="50"></body>
```

3. Thẻ <title>

- Nằm trong cặp thẻ <head>, nhằm tạo tiêu đề cho website.

Demo: [1](#), [2](#)

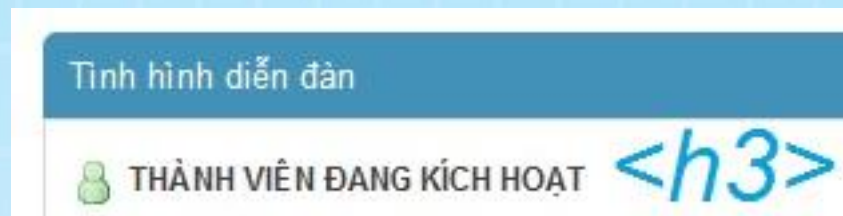
4. Các thẻ heading

- Gồm 6 thẻ từ <h1> đến <h6> theo chiều kích thước giảm dần
- Là thẻ xác định tiêu đề(khác với thẻ title) cho các chuyên mục, danh mục, bài viết,...

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



- Ví dụ: Thành viên đang kích hoạt của VietSource.Net sử dụng thẻ <h3>



Câu lệnh: <h3>Thành viên đang kích hoạt</h3>

- Nên sử dụng các thẻ heading cho:

- + Danh mục menu
- + Tiêu đề bài viết
- + Chuyên mục

...

Video tham khảo

<http://bit.ly/vsnet-thehtml>

A diagram illustrating the use of HTML heading tags. At the top, the text 'H ẬU TRƯỞNG' is enclosed in a red box, with a red line pointing from the word 'heading' to it. Below this, another red box contains the text 'Đêm giao lưu văn nghệ chào đón Tân sinh viên trường Đại học Công Nghệ Thông tin và Truyền thông.' At the bottom left of the diagram is a photograph of a group of people on a stage during a 'GALA' event, with a banner in the background that reads 'GALA ĐÓN TÂN SINH VIÊN 2012'. To the right of the photo, there is a paragraph of text in Vietnamese.

Hòa trong không khí tưng bừng ngày tựu trường của sinh viên trong cả nước nói chung và Trường Đại học...

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



5. Một số thẻ định dạng văn bản

a) Thẻ định dạng đoạn văn bản <p>

- Cú pháp: `<p> Đoạn văn bản</p>`
- Thẻ <p> xác định cho 1 đoạn văn bản và tự động xuống dòng
- Các thuộc tính

+ align: Căn chỉnh đoạn văn, gồm các giá trị: center(căn giữa), left(căn trái), right(căn phải), justify(căn đều).

Ví dụ: `<p align="right"> Đoạn văn bản này sẽ căn phải</p>`

b) Thẻ định dạng ký tự

- ``: In đậm
- `<i></i>`: In nghiêng
- `<u></u>`: Gạch chân
- `<s></s>`: Gạch ngang
- ``: Đưa 1 ký tự lên trên(mũ) . $AX^2 + BX + C = 0$
- ``: Đưa 1 ký tự xuống dưới. H_2O
- `<pre></pre>`: Giữ nguyên đoạn văn bản(Như khi code)

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



Ví dụ: <http://jsbin.com/ejuwet/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  <p> Đây là 1 đoạn văn, in nghiêng, in đậm, gạch chân, gạch
ngang</p>
  <pre>
    Đoạn này
        được giữ nguyên
        như khi code

  </pre>
  H<sub>2</sub>O
  <br>
  2<sup>3</sup>=8
</body>
</html>
```

Đây là 1 đoạn văn, in nghiêng, in đậm, gạch chân, gạch ngang

Đoạn này
được giữ nguyên
như khi code

H₂O

2³=8

VIETSOURCE.NET

c) Thẻ định dạng font chữ

- Cú pháp: * Nội dung cần định dạng *

- Thuộc tính:

+ Color: Màu chữ. Ví dụ: red, green, #FFFFFF(Hệ hex).

+ Size: Kích thước chữ.

+ Face: Quy định font chữ. Như: Arial, Tahoma, "Time New Roman"

Ví dụ: * Ví dụ font chữ *

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



6. Một số thẻ khác

- Thẻ `<div>`:

Là 1 thẻ quan trọng trong HTML, được sử dụng để phân chia các lớp trong website thay cho việc dùng bảng(table) như trước đây(Sẽ nghiên cứu thêm ở phần CSS).

- Thẻ xuống dòng `
`:

Trong HTML để xuống 1 dòng mới ta phải sử dụng thẻ xuống dòng `
` hoặc `
` (Theo chuẩn XHTML). Có 1 số thẻ mặc định nội dung bên trong xuống dòng như: `<p>`, `<div>`, `<h1>` đến `<h6>`,...

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
|
  <p>Vẫn cùng 1 dòng mặc dù đã gõ xuống dòng</p>
  <p>Xuống dòng mặc dù không gõ xuống <br /> 1 dòng mới</p>
</body>
</html>
```

Vẫn cùng 1 dòng mặc dù đã gõ xuống dòng

Xuống dòng mặc dù không gõ xuống
1 dòng mới

VIETSOURCE.NET

- Thẻ kẻ ngang `<hr />` tạo ra 1 đường kẻ ngang trên website của bạn

Bài 2. Một số thẻ cơ bản



- Thuộc tính:

+ size: Độ lớn của đường kẻ(độ dày). Đơn vị Pixel

+ width: Độ lớn chiều ngang của đường kẻ(Pixel)

+ color: Màu của đường kẻ

+ align: Căn chỉnh vị trí của đường kẻ. Center(giữa website), left(trái), right(phải)

Ví dụ: <http://jsbin.com/uyejuq/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  <hr size="7" width="300" align="right"
  color="green" />
</body>
</html>
```

VIETSOURCE.NET

Bài 3. Hình ảnh & Liên kết



1. Thẻ hình ảnh

- Cú pháp: ``
- Thuộc tính
 - + `src="url"`: Đường dẫn của ảnh cần hiển thị
 - + `border="giá_trị"`: Đường viền của ảnh. Ví dụ `border="0"`
 - + `width="giá_trị"`: Độ rộng của ảnh, đơn vị pixel.
 - + `height="giá_trị"`: Độ cao của ảnh, đơn vị pixel.
 - + `alt=""`: Nội dung hiển thị thay thế khi ảnh không được hiển thị(Do sai đường dẫn, ảnh không được tải về,...).
 - + `title=""`: Tiêu đề của ảnh(Khi di chuột qua ảnh sẽ hiển thị tiêu đề)
 - + `vspace`: Khoảng cách từ ảnh đến thành phần khác bên ngoài(Theo chiều dọc)
 - + `hspace`: Khoảng cách từ ảnh đến thành phần khác bên ngoài(Theo chiều ngang)

Chú ý: Khi sử dụng thẻ `` nên đặt thuộc tính *alt* và *title* trong mọi trường hợp. 2 thuộc tính này có tác dụng SEO cho website, đồng thời chuẩn web mà w3c đưa ra yêu cầu mọi ảnh phải có.

Ví dụ: <http://jsbin.com/ofedez/1/edit>

```

```

Bài 3. Hình ảnh & Liên kết



```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  
</body>
</html>
```



VIETSOURCE.NET

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  
</body>
</html>
```

Link ảnh không đúng

Nội dung khi ảnh không hiển thị

VIETSOURCE.NET

Bài 3. Hình ảnh & Liên kết



2. Thẻ liên kết

- Cú pháp: `Nội dung`
- Thuộc tính:
 - + href="url": Đường dẫn
 - + target="giá_trị": Phương thức khi mở liên kết. Gồm các giá trị **_self** (mở liên kết ở tab hiện tại), **_blank** (mở với 1 cửa sổ mới), **_parent** (mở với frame), **_top** (khác với _parent, _top mở với cả trang)
 - + title: Tiêu đề của liên kết

Ví dụ:

```
<a href="http://vietsource.net" target="_blank" title="VSNet"> Trang chủ</a>
```

- Liên kết hình ảnh: Trong trường hợp liên kết là 1 hình ảnh, chúng ta có thể thay "Nội dung" bằng cú pháp hình ảnh

Ví dụ:

```
<a href="http://vietsource.net" target="_blank" title="Diện đàn lập trình, mã nguồn">
```

```

```

```
</a>
```

Bài 3. Hình ảnh & Liên kết



❖ Đánh dấu nội trang

- Là phương pháp đánh dấu 1 vị trí bất kỳ trên website, cho phép chúng ta liên kết tới vị trí đó.

```
<!DOCTYPE html>|
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  <br>
  <a href="http://vietsource.net" name="trangchu"><b> Trang chủ </b></a> |
  <a href="#"><b> Giới thiệu </b></a> |
  <a href="#"><b> Tin tức </b></a> |
  <a href="#"><b> Liên hệ </b></a> |
  <p>VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn</p>
  <p>VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn</p>
  <p>VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn</p>
  <center><a href="#trangchu">Đầu trang</a></center>
</body>
</html>
```

VIETSOURCE
.net

```
include <stdio.h>
int main(void)
{
    printf(" Hello World \n");
    return 0;
}
```

Lập trình
Mã nguồn

[Trang chủ](#) | [Giới thiệu](#) | [Tin tức](#) | [Liên hệ](#) |

VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn

VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn

VIETSOURCE.NET Là 1 diễn đàn trao đổi, chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn

[Đầu trang](#)

- Ví dụ trên khi chúng ta click vào “**Đầu trang**” thì sẽ được chuyển tới vị trí “**Trang chủ**”. Để sử dụng chúng ta cần đặt thuộc tính name cho vị trí cần liên kết tới, ở liên kết thứ 2 chúng ta sử dụng *href="#name_value"* với *name_value* là giá trị của thuộc tính name.

- <http://jsbin.com/etirof/1/edit>

Bài 3. Hình ảnh & Liên kết



❖ Đánh dấu ngoại trang

- Tương tự đánh dấu nội trang, đánh dấu ngoại trang là phương pháp liên kết tới 1 vị trí nào đó tới website bên ngoài.

Ví dụ: `Home `

❖ Liên kết tạo email

- Là chức năng tạo liên kết email.

Ví dụ: `Click vào đây để gửi Email`

- Ngoài ra có thể gửi 1 lúc tới nhiều email, mỗi email cần gửi cách nhau bởi 1 dấu “phẩy”.

A screenshot of an email composition window. At the top, there are buttons: 'GỬI', 'Lưu bây giờ', 'Hủy', and 'Nhấn ▾'. Below these, the 'To' field contains 'vuongtinh@gmail.com' with links 'Thêm Cc' and 'Thêm Bcc'. The 'Subject' field contains 'Chào bạn Tịnh' with links 'Định kên', 'Chèn', and 'Tự mời'. A large, semi-transparent watermark 'VIETSOURCE.NET' is overlaid across the middle. Below the subject field is a rich text editor with various icons for bold, italic, underline, text color, background color, bulleted list, numbered list, link, unlink, quote, and code. At the bottom, the text area contains the message 'Mình có chút thắc mắc muốn hỏi bạn'.

Bài tập



Bài 1: Thiết kế 1 website như hình [1](#) (baitap/1-btap1.jpg)

Bài 2: Thiết kế 1 website như hình [2](#) (baitap/1-btap2.jpg)

(Link ảnh <http://i.imgur.com/0iMLV.jpg>)

Bài 3: Thiết kế 1 website như hình [3](#) (baitap/1-btap3.jpg)

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



- Trước đây bảng (table) được sử dụng để xây dựng bố cục website
- Để **biểu diễn bảng trong HTML** chúng ta **sử dụng cặp thẻ `<table></table>`**. Bên trong cặp thẻ này chứa 1 số thẻ khác có chức năng định nghĩa các thuộc tính trong bảng: dòng, cột,...

1. Thẻ `<table>`

- Cặp thẻ `<table></table>` dùng để khai báo 1 bảng
- **Các thuộc tính:**
 - + **width:** Độ rộng của bảng, thường sử dụng giá trị kích thước có đơn vị **% hoặc px**
 - + **height:** Chiều cao bảng
 - + **bgcolor:** Định màu nền của bảng
 - + **background:** Định ảnh nền của bảng
 - + **border:** Độ lớn đường viền của bảng
 - + **bordercolor:** Màu của đường viền
 - + **align:** Căn vị trí của bảng so với toàn website. Giá trị: left, right, center
 - + **cellspacing:** Định độ dày của khung
 - + **cellpadding:** Định khoảng cách từ nội dung đến đường bao của bảng

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



- Ví dụ:

```
<table width="500" border="3" bordercolor="red" cellspacing="0" cellpadding="20" >
```

```
...
```

```
</table>
```

2. Thẻ <tr></tr>: table row

- Xác định dòng trong bảng, nằm bên trong cặp thẻ <table></table>

Ví dụ:

```
<table>
```

```
<tr></tr>
```

```
<tr></tr>
```

```
</table>
```

Bao nhiêu cặp thẻ <tr> ứng với từng đó dòng trong 1 bảng

- Một số thuộc tính trong thẻ <tr>

+ height: Khai báo chiều cao của dòng(độ lớn dòng)

+ align: Định vị trí nội dung trong dòng(theo chiều ngang): left(trái), right(phải), center(giữa)

+ valign: Định vị trí nội dung theo chiều dọc: top(trên), middle(giữa), bottom(dưới)

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



3. Thẻ <td></td>: table data

- Thẻ định nghĩa cột trong bảng, chứa dữ liệu của bảng (table data)
- Cặp thẻ <td></td> nằm bên trong cặp thẻ <tr></tr>

Ví dụ: <http://jsbin.com/iqukih/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
<table border="2" width="400" height="200">
  <tr align="center">
    <td>Ô 1 dòng 1</td>
    <td>Ô 2 dòng 1</td>
  </tr><!-- Dòng thứ 1-->

  <tr>
    <td>Ô 1 dòng 2</td>
    <td>Ô 2 dòng 2</td>
  </tr><!-- Dòng thứ 2-->

</table>
</body>
</html>
```

Ô 1 dòng 1	Ô 2 dòng 1
Ô 1 dòng 2	Ô 2 dòng 2

VIETSOURCE.NET

- Một số thuộc tính:
- + width: Độ rộng của cột
- + height: Chiều cao của cột

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



- + align: Định vị trí nội dung trong cột(theo chiều ngang): left(trái), right(phải), center(giữa)
- + valign: Định vị trí nội dung theo chiều dọc: top(trên), middle(giữa), bottom(dưới)

4. Một số thẻ khác

- <th></th> (table heading) Tương tự cặp thẻ <td></td> tuy nhiên <th> dùng trong trường hợp nếu ô đó chứa tiêu đề của cột. Nội dung trong cặp thẻ này được in đậm và căn giữa tự động. Ví dụ: <http://jsbin.com/iqukih/2/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
  <table border="2" width="400" height="100">
    <tr>
      <th>Họ tên</th>
      <th>Nghề nghiệp</th>
    </tr><!-- Dòng thứ 1-->

    <tr>
      <td>Vũ Công Tịnh</td>
      <td>Sinh Viên</td>
    </tr><!-- Dòng thứ 2-->

  </table>
</body>
</html>
```

Họ tên	Nghề nghiệp
Vũ Công Tịnh	Sinh Viên

VIETSOURCE.NET

- <tbody>: Bên trong cặp thẻ <table> dùng để nhóm các nhóm dữ liệu với nhau

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



Một số lưu ý:

- Số cặp thẻ `<td>` (số cột) trong các dòng phải bằng nhau để tránh vỡ khung của bảng
- Đối với ô trống(không có nội dung) nên sử dụng thẻ `
` hoặc ` ` thay cho khoảng trống

5. Gộp cột, dòng trong bảng

- Là việc tùy biến bảng bằng việc gộp các cột hay dòng lại với nhau

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
<table border="2" width="500" height="100">
  <tr>
    <th rowspan="2" width="100">Họ tên</th>
    <th>Ngày sinh</th>
    <th>Giới tính</th>
    <th>Nghề nghiệp</th>
  </tr>
  <tr>
    <td>Vũ Công Tịnh</td>
    <td><br></td>
    <td>Vũ Công Tịnh</td>
    <td><br></td>
  </tr>
</table>
```

Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghề nghiệp
Vũ Công Tịnh			Vũ Công Tịnh

VIETSOURCE.NET

- `colspan="x"`: Gộp x cột tính từ cột đang đặt thuộc tính `colspan`
- `rowspan="y"`: Gộp y hàng tính từ hàng đang xét

Lưu ý: Sau khi gộp phải loại bỏ số dòng(hoặc cột) để cân đối bảng

Xem ví dụ: <http://jsbin.com/iqukih/4/edit> đã loại bỏ 1 cột ở dòng thứ 2. Vì dòng 1 đã có 2 dòng được gộp.

Bài 4. Tạo bảng trong HTML



- Ví dụ: <http://jsbin.com/iqukih/7/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
<table border="2" width="500" height="100" cellpadding="0" bordercolor="red">
  <tr>
    <th rowspan="2" width="100" valign="bottom">Họ tên</th>
    <th bgcolor="green">Ngày sinh</th>
    <th>Giới tính</th>
    <th>Nghề nghiệp</th>
  </tr><!-- Dòng thứ 1-->
  <tr>
    <td>Vũ Công Tịnh</td>
    <td><br></td>
    <td>Vũ Công Tịnh</td>
    <td><br></td>
  </tr><!-- Dòng thứ 2-->
```

	Ngày sinh	Giới tính	Nghề nghiệp
Họ tên	Vũ Công Tịnh		Vũ Công Tịnh

VIETSOURCE.NET

Video tham khảo: <http://bit.ly/vsnet-table>

Bài tập

- Tạo 1 bảng như hình [1](#) (baitap/2-btap1.jpg)
- Tạo 1 website như hình [1](#) và [2](#) (baitap/2-btap2-1.png và baitap/2-btap2-2.png)
- Tạo 1 website như hình [1](#) (baitap/2-btap3.png)

Mặc dù hiện nay không sử dụng table để dựng bố cục trang nhưng nó vẫn là 1 thành phần quan trọng và cũng để các bạn thấy được khó khăn khi sử dụng table nên tôi đưa bài tập dựng bố cục trang sử dụng table

Bài 5. Danh sách (list)



- Trong HTML có 3 loại danh sách
- + ol: ordered list: Danh sách có đánh trật tự
- + ul: unordered list: Danh sách không đánh trật tự
- + dl: definition list: Danh sách định nghĩa
- Ngoài để tạo danh sách các thẻ trên còn sử dụng để xây dựng hệ thống Menu của website
- Bên trong các cặp thẻ `` , `<dl></dl>` và `` là các cặp thẻ `` hay `<dd></dd>` và `<dt></dt>`
- 1. **Danh sách có trật tự ``**
- Tạo nên danh sách có đánh thứ tự 1, 2, 3,...bên trong là các cặp thẻ định nghĩa danh sách ``

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>HTML List- VietSource.Net</title>
</head>
<body>

    TIN TỨC

    <ol>
        <li>Kinh tế</li>
        <li>Văn Hóa</li>
        <li>Chính trị</li>
    </ol>

</body>
</html>
```

TIN TỨC

1. Kinh tế
2. Văn Hóa
3. Chính trị

VIETSOURCE.NET

Bài 5. Danh sách (list)



- Có thể thay đổi cách hiển thị khi sử dụng bằng cách sử dụng thuộc tính type.
- + a: Hiển thị theo kiểu ký tự thường a, b, c...
- + A: Hiển thị theo dạng ký tự hoa A, B, C..
- + i: Hiển thị dạng La Mã thường i, ii, iii, iv,..
- + I: Hiển thị dạng La Mã I, II, III, IV,..
- + square: Hình ô vuông
- + circle: Hình tròn màu rỗng (màu trắng)
- + disc: Hình tròn đặc(chấm tròn màu đen)
- Để bắt đầu với 1 giá trị khác 1 chúng ta sử dụng thuộc tính start="n" với n là giá trị bắt đầu của danh sách
- Ví dụ: <http://jsbin.com/abulim/3/edit>

TIN TỨC

```
<ol type="square">
  <li>Kinh tế</li>
  <li>Văn Hóa</li>
  <li>Chính trị</li>
</ol>
```

<!-- List ol nhưng hiển thị dạng ul (dạng không đánh trật tự 1,2, 3..) -->
SẢN PHẨM

```
<ol type="i" start="5">
  <li>Laptop</li>
  <li>Điện thoại</li>
</ol><!--List bắt đầu từ số 5 kiểu La Mã thường-->
```

TIN TỨC

- Kinh tế
- Văn Hóa
- Chính trị

SẢN PHẨM

- v. Laptop
- vi. Điện thoại

Bài 5. Danh sách (list)



2. Danh sách không trật tự

- Là kiểu danh sách đánh thứ tự các list mặc định là các hình tròn đặc (chấm tròn đen)
- Có thể tùy biến sang các kiểu khác: đánh trật tự, ô vuông, hình tròn rỗng,.. Tương tự như đối với
- Để loại bỏ các kiểu đánh thứ tự đối với 2 loại “ol” và “ul” chúng ta sử dụng thuộc tính type với giá trị là none.

Ví dụ: <http://jsbin.com/abulim/6/edit>

TIN TỨC

```
<ul type="none">  
  <li>Kinh tế</li>  
  <li>Văn Hóa</li>  
  <li>Chính trị</li>  
</ul>
```

<!-- List không hiển thị chấm tròn-->
SẢN PHẨM

```
<ul>  
  <li>Laptop</li>  
  <li>Điện thoại</li>  
</ul><!--List dạng ul bình thường-->
```

TIN TỨC

Kinh tế
Văn Hóa
Chính trị

SẢN PHẨM

- Laptop
- Điện thoại

-Ngoài ra có thể sử dụng CSS để tùy biến danh sách trong HTML
(Sẽ tìm hiểu ở phần CSS)

Bài 5. Danh sách (list)



3. Danh sách định nghĩa

- Khác với “ol” và “ul”, cặp thẻ `<dl></dl>` được dùng để định nghĩa 1 đối tượng nào đó
- Bên trong cặp thẻ “dl” chứa các cặp thẻ
 - + “dd” (Definition Description): Thẻ mô tả định nghĩa
 - + “dt” (Definition term): Thẻ định nghĩa 1 thuật ngữ nào đó.

Ví dụ: Webmaster(chủ website): Là những người có quản lý 1 hoặc 1 số website nào đó

```
<dl>
  <dt>
    Webmaster ( Chủ web)
  </dt>
  <dd>
    Là những người có quản lý website
  </dd>
</dl>
```

Webmaster (Chủ web)
Là những người có quản lý website

Bài Tập:

- Thiết kế website như: Hình [1](#) (baitap/3-btap1.jpg)
- Tạo menu dọc như: File [1](#) (baitap/3-btap2.html)

Bài 6. Biểu mẫu(form)



- Biểu mẫu (form) là một thành phần thường gặp và quan trọng trong mỗi website, form tạo nên tính tương tác giữa website và người dùng qua những phần nhập, truy xuất dữ liệu cũng như gửi dữ liệu. Như: form đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm, gửi email liên hệ,...

1. HTML Form

- Cú pháp: `<form></form>`
- Một số thuộc tính

+ name: Tên của form, đặt tùy ý sao cho dễ nhớ, có mối tương quan với đối tượng form

+ action: Link xử lý dữ liệu

+ method: Phương thức truyền dữ liệu, có 2 giá trị là GET và POST

(Sẽ tìm hiểu ở phần PHP)

Ví dụ: <http://jsbin.com/afoqir/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>VietSource.Net- Chia sẻ kiến thức lập trình, mã nguồn</title>
</head>
<body>
  <form name="timkiem" action="timkiem.php" method="post" >
    <input type="text" value="Nhập từ khóa" name="keywords"/>
    <input type="submit" />
  </form>
</body>
</html>
```

Nhập từ khóa


Bài 6. Biểu mẫu(form)



2. Các đối tượng trong Form

2.1. Thẻ input

a) Textbox

- Tạo nên đối tượng cho phép nhập dữ liệu văn bản
- Cú pháp: `<input type="text" name="" value="" size="" />`
- + name: Tên của textbox, đặt tùy ý, được kết hợp với PHP hay Javascript để tạo tính tương tác trên website (Tìm hiểu ở những phần sau)
- + value: Giá trị ban đầu của textbox, hiển thị như dòng “Nhập từ khóa” (Hình vẽ)
- + size: Độ rộng của textbox

Nếu thẻ input không sử dụng thuộc tính type="text" thì trình duyệt tự hiểu dạng Textbox

b) Password

- Đối với các form như đăng nhập chúng ta dùng loại này để ẩn đối tượng password
- Cú pháp: `<input type="password" value="" name="" size="" />`
- Các thuộc tính value, name

<http://jsbin.com/ofaboh/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
<form name="login" action="login.php" method="post">
  Tài khoản <input type="text" value="Nhập vào user" name="user"/> <br />
  Mật khẩu <input type="password" value="123456" name="pass" />
</form>
</body>
</html>
```

Tài khoản	<input type="text" value="Nhập vào user"/>
Mật khẩu	<input type="password" value="•••••"/>

Bài 6. Biểu mẫu(form)



c) Checkbox

- Cú pháp: `<input type="checkbox" name="" value="" />`

+ name: Tên của checkbox, sử dụng kết hợp PHP hay Javascript(JS)

+ value: Giá trị của checkbox, sử dụng kết hợp PHP hay JS, gửi kết quả lên server và ngược lại

+ Có thể sử dụng thêm thuộc tính **checked** để chọn mặc định cho đối tượng

Lưu ý: Đối với các đối tượng cùng nhóm thì name phải đặt giống nhau

<http://jsbin.com/ofaboh/3/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>JS Bin</title>
</head>
<body>
<form>
  Sở thích <br>
  <input type="checkbox" name="sothich" value="choigame" > Chơi Game<br>
  <input type="checkbox" name="sothich" value="nghehac" checked="" > Nghe Nhạc <br>
  <input type="checkbox" name="sothich" value="xemphim" > Xem Phim <br>
</form>
</body>
</html>
```

Đặt name cùng giá trị với các đối tượng cùng một nhóm (Nhóm Sở thích)

Sở thích

- ☐ Chơi Game
- ☒ Nghe Nhạc
- ☐ Xem Phim

Bài 6. Biểu mẫu(form)



d) Radio

- Tạo chức năng chọn dạng nút Radio
- Cú pháp: `<input type="radio" name="" value="" />`
- Các thuộc tính name, value và checked sử dụng tương tự như Checkbox

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>VIETSOURCE.NET</title>
</head>
<body>
<form>
  Giới tính:<input type="radio" name="gioitinh" value="nam" /> Nam
  <input type="radio" name="gioitinh" value="nu" /> Nữ
  <input type="radio" name="gioitinh" value="bd" checked /> BD
</form>
</body>
</html>
```

Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☒ BD

e) Upload

- Tạo chức năng duyệt file từ máy tính
- Cú pháp: `<input type="file" name="" />`
- + name: Tên của đối tượng file

<http://jsbin.com/ofaboh/4/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>VIETSOURCE.NET</title>
</head>
<body>
<form>
  Duyệt file: <input type="file" name="" value="" /><br>
</form>
</body>
</html>
```

Duyệt file:

Bài 6. Biểu mẫu(form)



f) Submit

- Tạo nút gửi dữ liệu tới file xử lý (Tới link khai báo ở thuộc tính Action)
- Cú pháp: `<input type="submit" name="tên submit" value="giá trị ban đầu, hiển thị ở nút submit" />`

g) Button

- Tương tự như Submit tuy nhiên khi sử dụng Button dữ liệu sẽ không được gửi tới file xử lý(Khai báo phần action) mà thường kết hợp với JS để tạo tương tác
- Cú pháp: `<input type="button" name="tên submit" value="giá trị ban đầu, hiển thị ở nút submit" />`

h) Reset

- Trả lại giá trị ban đầu khi chưa nhập liệu cho tất cả các đối tượng trong form
- Cú pháp: `<input type="reset" name="tên reset" value="giá trị ban đầu, hiển thị ở nút reset" />`

Tạo 1 form như sau:

User:	<input type="text"/>
Password:	<input type="password"/>
<input type="button" value="Register"/>	
<input type="button" value="Reset"/>	

Bài 6. Biểu mẫu(form)



2.2. Select tags

a) Tạo danh sách sổ xuống

- Cú pháp

```
<select name="Tên danh sách">
```

```
<option value="hn"> Hà Nội</option>
```

```
<option value="hcm"> TP. HCM</option>
```

```
<option value="hp"> Hải Phòng</option>
```

```
<option value="tn"> Thái Nguyên</option>
```

```
</select>
```

+ Cặp thẻ `<select>` `</select>` khai báo 1 phiên làm việc với kiểu danh sách

+ Cặp thẻ `<option>` `</option>` bên trong cặp thẻ `<option>` `</option>`

- Thuộc tính *value*: Giá trị của lựa chọn(Sử dụng kết hợp với JS hoặc PHP)

- Các thuộc tính khác: *label*, *selected*, *disabled*

b) Tạo danh sách chọn

- Tương tự như danh sách sổ xuống tuy nhiên dạng này

Cho phép người dùng chọn nhiều lựa chọn bằng

Việc sử dụng Ctrl

A screenshot of a web browser's dropdown menu. The menu is open, showing a list of cities: 'Hà Nội', 'TP. HCM', 'Hải Phòng', and 'Thái Nguyên'. The first option, 'Hà Nội', is currently selected and highlighted in blue. A small downward arrow is visible on the right side of the menu box.A screenshot of a web browser's multi-select menu. The menu is open, showing a list of cities: 'Hà Nội', 'TP. HCM', 'Hải Phòng', and 'Thái Nguyên'. The second option, 'TP. HCM', is currently selected and highlighted in blue. Upward and downward arrows are visible on the right side of the menu box, indicating that multiple items can be selected.

Bài 6. Biểu mẫu(form)



- Cú pháp trong danh sách chọn tương tự dạng số xuống, chỉ việc thêm thuộc tính *multiple* vào thẻ mở `<select>`

- Ví dụ:

<http://jsbin.com/alipim/1/edit>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset=utf-8 />
<title>Form Select tag- VietSource.Net</title>
</head>
<body>
  <select name="tinh" multiple>
    <option value="hn">Hà Nội</option>
    <option value="hcm" selected>TP. HCM</option>
    <option value="hp">Hải Phòng</option>
    <option value="tn">Thái Nguyên</option>
  </select>
</body>
</html>
```

2.3. Hộp thoại soạn thảo

- Để tạo 1 hộp thoại cho phép soạn thảo(dạng bình luận) chúng ta sử dụng thẻ `textarea`

- Cú pháp:

`<textarea cols="số cột" rows="số dòng" maxlength="số ký tự tối đa cho phép">`

Nội dung

`</textarea>`

Tìm hiểu thêm các thuộc tính khác tại:

http://www.w3schools.com/tags/tag_textarea.asp

Bài 6. Biểu mẫu(form)



Video tham khảo: <http://bit.ly/vsnet-form>

Bài tập: Thiết kế 1 form bình luận như hình bên dưới

Bình luận tại đây

Bài 7. Các thẻ đặc biệt



1. Meta tags

- Mọi thẻ meta đều đặt trong cặp thẻ `<head></head>`
- Cung cấp thông tin về website cho trình duyệt và các Search Engine

a) Keyword

- Tạo từ khóa cho website, cung cấp cho các search engine
- Cú pháp: `<meta name="keywords" content="các từ khóa cách nhau bởi dấu phẩy" />`

b) Description

- Thẻ mô tả về website, cung cấp thông tin về web
- Cú pháp `<meta name="description" content="mô tả ngắn gọn về website" />`

Demo:

VSNet

vietsource.net/ - Translate this page

VSNet- Cộng đồng chia sẻ kiến thức Lập trình, Mã nguồn, Lập Trình C, Lập Trình Web, Lập Trình C++, Lập Trình Java, Lập trình C#, Lập Trình PHP, Lập trình ...

[lớp lập trình Pascal online ...](#)

VietSource.Net tổ chức khoá học lập trình Pascal miễn phí (Dự ...

[Lớp lập trình C online miễn phí ...](#)

Net tổ chức khoá học lập trình C basic miễn phí (Dự kiến bắt ...

[Thư ngỏ](#)

Xin chào tất cả thành viên VSNet, vậy là diễn đàn chúng ta đã ...

[More results from vietsource.net »](#)

[Tổng hợp VIDEO học lập trình ...](#)

Hello word và các công cụ hỗ trợ lập trình web Bài 2. Giới thiệu ...

[TUT Lập trình](#)

Lập Trình- Mã Nguồn- Lập Trình Web
- Powered by vBulletin ...

[Share Tài liệu CEH tiếng Việt ...](#)

Tài liệu này mình mới sưu tầm được của Juno_okyo các bạn ...

Description

Bài 7. Các thẻ đặc biệt



c) Refresh

- Tự động tải lại trang trong 1 khoảng thời gian được định nghĩa
- Cú pháp

```
<meta http-equiv="refresh" content="time" />
```

Với:

- + time: Là thời gian tự động reload, đơn vị giây

Ví dụ: Code chuyển trang, khi vào vietsource.net tự động chuyển qua
vietsource.net/forum

```
<meta http-equiv="refresh" content="0;url=http://vietsource.net/forum" />
```

d) Author

- Cung cấp thông tin về tác giả website
- Ví dụ: `<meta name="author" content="Vũ Công Tịnh, VietSource.Net, ĐH CNTT TT Thái Nguyên">`

e) Charset

- Xác định kiểu charset mà website sử dụng
- Cú pháp:

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8" />
```

Bài 7. Các thẻ đặc biệt



- Chuẩn HTML 5:

`<meta charset="utf-8" />`

Tham khảo các thẻ khác: http://www.w3schools.com/tags/tag_meta.asp

2. Style tag

- Cặp thẻ `<style></style>` được đặt trong cặp thẻ `<head></head>`
- Xác định thông tin định dạng website. Trong 1 tài liệu HTML có thể sử dụng nhiều cặp thẻ `<style></style>`
- Ví dụ:

```
<style type="text/css">
```

```
p {  
  color:red  
}  
</style>
```

3. Script tag

- Bên trong cặp thẻ `<head></head>`, chứa các thông tin về mã kịch bản Javascript
- Ví dụ: `<script type="text/javascript"> document.write("Xin chào");</script>`

Bài 7. Các thẻ đặc biệt



4. !DOCTYPE

- Là “thẻ” duy nhất nằm bên ngoài cặp thẻ `<html></html>`
- Thực chất !doctype không phải là 1 thẻ mà nó cung cấp cho trình duyệt biết phiên bản HTML được sử dụng trong website
- Ví dụ: 1 doctype trong XHTML

```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN"
```

```
"http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<title>VietSource.Net</title>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

Nội dung website

```
</body>
```

```
</html>
```

- Trong HTML 5: `<!DOCTYPE html>`

Tham khảo: http://www.w3schools.com/tags/tag_doctype.asp